

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2012

Tên Công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Địa chỉ: Đường 9, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai

ĐT: (061) 38 36 843 Ext:100, Fax: (061) 38 36 174

Đồng Nai – 04/2013

Mục lục

	<i>Trang</i>
I. Lịch sử hoạt động Công ty.....	3
II. Báo cáo Hội đồng Quản trị.....	6
III. Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc.....	9
IV. Báo cáo Tài chính.....	14
V. Báo cáo các Công ty liên quan.....	18
VI. Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ phòng ban.....	20
VII. Thông tin về Cổ đông và Quản trị Công ty.....	22

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng

Công ty cổ phần Nhựa-Xây dựng Đồng Nai, tiền thân là Công ty Diêm Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 393/CNN-TCLĐ ngày 29/4/1993 của Bộ Công Nghiệp Nhẹ. Ngày 10/01/1998, Công ty Diêm Đồng Nai được đổi tên thành Công ty Nhựa Đồng Nai theo Quyết định số 02/1998/BCN. Công ty đã tiến hành cổ phần hóa DNNN theo Quyết định số 971/QĐ-TCCB ngày 15/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và chính thức đăng ký kinh doanh hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02/01/2004 theo GPĐKKD số 4703000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, số vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 3 tỷ đồng.



Ngày 24/01/2005, Công ty tăng vốn điều lệ thêm 3 tỷ đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 6 tỷ đồng theo phương thức chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 01 cổ phiếu cũ được thưởng 01 cổ phiếu mới. Nguồn chia cổ phiếu thưởng là lợi nhuận giữ lại của năm 2004 và một phần lợi nhuận của năm 2005.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông ngày 26/6/2006, Công ty quyết định tăng vốn điều lệ từ 06 tỷ đồng lên 13 tỷ đồng thông qua hình thức chia cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 06 cổ phiếu cũ được thưởng 07 cổ phiếu. Nguồn chia lợi nhuận là lợi nhuận giữ lại của năm 2005 và một phần lợi nhuận của Quý I/06.

Ngày 05/10/2006, Công ty quyết định tăng vốn điều lệ từ 13 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm 7 tỷ đồng, trong đó bán cho CBCNV công ty 70.000 cổ phần và phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư bên ngoài với số lượng 630.000 cổ phần. vốn điều lệ của Công ty Nhựa-Xây dựng Đồng Nai là 20 tỷ đồng.

Công ty đã thực hiện việc Niêm yết cổ phiếu trên sàn Giao dịch chứng khoán (Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh) theo Giấy phép Niêm yết số 85/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/11/2006. Cổ phiếu của Công ty CP Nhựa-Xây dựng Đồng Nai chính thức giao dịch trên Thị trường chứng khoán kể từ ngày 20/12/2006 với mã chứng khoán là DNP.

Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2007, công ty đã phát hành bổ sung 2.000.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ lên 40 tỷ đồng. Ngày 02/04/2008 đã chính thức tăng vốn điều lệ lên với số vốn là 34.276.370.000 đồng.

Ngày 9/7/2008 Công Ty Cổ Phần Nhựa Xây Dựng Đồng Nai đổi tên thành Công ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai.

Ngày 17/6/2009 công ty chuyển sang niêm yết cổ phiếu trên sàn Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Quá trình phát triển

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Nhựa Đồng Nai là sản xuất kinh doanh các sản phẩm, vật tư nguyên liệu và các chất phụ gia ngành nhựa. Ngoài ra còn sản xuất kinh doanh các sản phẩm khác như Diêm quẹt nội địa và xuất khẩu, gia công may mặc, phụ kiện bằng gang dùng cho ngành nước, xây lắp cấp thoát nước.

Trong quá trình hoạt động, vừa sản xuất vừa tích lũy cho tái đầu tư, đến nay công ty đã hoàn thiện toàn bộ cơ sở hạ tầng: Văn phòng, nhà xưởng, đường nội bộ trong diện tích gần 03 ha. Hiện nay, công ty đã sản xuất được nhiều loại sản phẩm khác nhau để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường như: Nhóm sản phẩm ống nhựa uPVC, HDPE dùng cho công nghiệp, xây dựng và cấp thoát nước. Nhóm sản phẩm túi xốp và bao bì nhựa-màng nhựa các loại từ HDPE, LDPE, PP...dùng cho siêu thị, xuất khẩu, nông nghiệp, địa chất, xây dựng và giao thông, công nghiệp thực phẩm...Trong đó, một số sản phẩm cũng đã được xuất khẩu sang các nước châu Âu, Mỹ và châu Á.

Trong những năm gần đây, sản phẩm chủ yếu của Công ty là ống nhựa uPVC và ống nhựa HDPE được khách hàng và các nhà thầu xây lắp Cấp thoát nước, xây dựng điện và Bru chính viễn thông đánh giá cao về chất lượng cũng như dịch vụ. Hiện tại, sản phẩm ống nhựa của chúng tôi đang được sử dụng cho hầu hết các công trình của Tổng Cty cấp nước TP. HCM, khẳng định được tầm mức chất lượng cao và nhờ đó uy tín của thương hiệu DNP ngày càng nâng cao.

Nhằm khai thác triệt để những lợi thế về tài sản thương hiệu cũng như dựa vào đặc điểm của sản phẩm ngành nhựa là công kênh, khó vận chuyển, Công ty đã chọn phương án tập trung đầu tư đa dạng hoá các loại sản phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về mặt địa lý, có nhu cầu lớn trong các ngành công, nông nghiệp, thủy sản... tại miền Bắc, miền Trung, Tây nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Riêng về sản phẩm ống nhựa, chúng tôi đã có hàng trăm khách hàng trên thị trường nói trên trong đó có các khách hàng quan trọng như Vinaseen, Sawaco,...

3. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Phấn đấu trở thành nhà sản xuất ống nhựa và túi bao bì tốp đầu tại Việt Nam theo các tiêu chí sau:

- Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tốt nhất.
- Sản phẩm chất lượng cao và ổn định.
- Sản phẩm phong phú về chủng loại.
- Giá cả cạnh tranh.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

3.2.1 Chiến lược về sản phẩm:

- Đa dạng hóa sản phẩm ống và bao bì, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Duy trì và nâng cấp hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2008.
- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó tập trung vào những sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Có chiến lược dự trữ nguyên liệu, thành phẩm hợp lý, khoa học nhằm tiết giảm chi phí hàng tồn kho. Căn cứ vào nhu cầu đặt hàng, lập kế hoạch nhập hàng phù hợp.

3.2.2 Chiến lược đầu tư công nghệ

- Trong năm 2013, tiếp tục cải tiến các máy móc thiết bị hỗ trợ cho công tác sản xuất nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu của khách hàng.
- Đẩy mạnh tăng năng suất lao động, ổn định chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế phẩm.

3.2.3 Chiến lược tài chính

- Chủ động công bố minh bạch thông tin để cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm được hoạt động kinh doanh của công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của công ty.

3.2.4 Chiến lược nhân sự

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân bao gồm việc đào tạo về sản phẩm, chất lượng, tuân thủ quy trình.

- Nâng cao trình độ quản lý cho các cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban xí nghiệp.

II. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

1. Cơ cấu tổ chức

Trong năm 2012, HĐQT nhiệm kỳ mới năm 2012-2017 và có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Lưu Thụy | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Vũ Đình Độ | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Lê Huy Phương | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Nguyễn Phú Túc | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Nguyễn Xuân Nam | Thành viên HĐQT |

2. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu các Cổ đông

Tổng số vốn điều lệ tính đến năm 2012 là 34.276.370.000 đồng.

Cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai như sau:

Chỉ tiêu	VNĐ	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ Đông	Cơ cấu Cổ Đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Tổng vốn điều lệ	34.276.370.000	100,00	730	32	698
Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết	20.625.000.000	60,17	5	0	5
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5% có quyền biểu quyết	7.719.500.000	22,52	10	2	8
Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết	5.931.870.000	17,31	715	30	685

3. Đánh giá hoạt động SXKD của Công ty

Năm 2012 nền kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, gây trở ngại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhưng bằng sự chỉ đạo định hướng đúng đắn, sát sao, kịp thời của HĐQT cùng với sự quyết tâm nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc, các phòng ban, xí nghiệp và toàn thể CBCNV đã phấn đấu hoàn thành doanh thu và lợi nhuận năm 2012 đạt một số kết quả cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt 306 tỷ đạt 95,62% kế hoạch là 320 tỷ.
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 8,24 tỷ đạt 121,18% kế hoạch là 6,8 tỷ.
- Thu nhập bình quân 4,82 triệu đồng / người / tháng đạt 107,1% kế hoạch là 4,5 triệu đồng / người / tháng. Như vậy thu nhập bình quân tăng thêm 9,5% so với thu nhập bình quân năm 2011 là 4,4 triệu đồng / người / tháng. Đây là một nỗ lực cải thiện đời sống CBCNV mặc dù doanh thu và lợi nhuận suy giảm so với năm 2011.

4. Hoạt động của HĐQT trong năm 2012

Các thành viên trong HĐQT đều có kinh nghiệm trong tài chính, pháp luật và lĩnh vực kinh doanh ngành cấp thoát nước và bao bì xuất khẩu và cùng tham gia điều hành trong Ban Tổng Giám Đốc vì vậy các chiến lược của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc luôn nhất quán.

HĐQT đã tích cực chủ động giải quyết mọi vấn đề thuộc đúng thẩm quyền, các quyết định kịp thời, nắm bắt quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp ý kiến đối với Ban Tổng Giám Đốc các vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành Công ty.

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp nghiêm túc, dân chủ. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên HĐQT, đảm bảo đúng theo Pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đảm bảo việc lưu trữ hồ sơ và thực hiện công bố thông tin kịp thời theo đúng quy định.

5. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2013

HĐQT tiếp tục thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ năm 2013 dựa trên sự chỉ đạo cụ thể cho Ban Tổng Giám Đốc sâu sát, cụ thể hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh Đại hội Cổ đông đã đưa ra dựa trên các chỉ tiêu tài chính hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn, giảm tỷ lệ nợ xấu, cam kết thực hiện trả cổ tức và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông.

HDQT tiến hành tổ chức việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định HDQT của Ban Tổng Giám Đốc và công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh nhanh chóng, chính xác và minh bạch.

6. Định hướng triển vọng trong tương lai

Năm 2013, nền kinh tế của Việt Nam được dự báo là sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong nỗ lực tái cấu trúc nền kinh tế của Chính phủ. Với việc ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế xã hội và cải tổ sâu rộng nền kinh tế quốc gia, tăng trưởng kinh tế năm 2013 được dự báo sẽ khó có khả năng đạt được mức tăng trưởng cao (dự báo vào khoảng 5,5-6%). Bên cạnh đó, vấn đề lãi suất trong nước đã giảm nhưng vẫn còn cao so với khu vực, thế giới là rào cản rất lớn để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp bất động sản và xây dựng.

Nhìn nhận từ khó khăn trên của nền kinh tế, chúng ta có thể nhận định rằng viễn cảnh không mấy sáng sủa của ngành bất động sản và xây dựng cũng như chính sách thắt chặt tiền tệ, giảm đầu tư công của Chính phủ sẽ là rào cản lớn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành nhựa đặc biệt là các doanh nghiệp nhựa vật liệu xây dựng. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ của các doanh nghiệp trong ngành sẽ bị ảnh hưởng đáng kể từ chính sách thắt chặt tiền tệ, giảm chi tiêu đầu tư công cũng như tình hình ảm đạm của ngành xây dựng, bất động sản. Theo chiến lược phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 do Bộ Công Thương phê duyệt vào ngày 17/06/2011, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2011-2015 sẽ vào khoảng 17,56%/năm, đồng thời theo đó giảm dần tỷ trọng các nhóm sản phẩm nhựa bao bì và nhựa gia dụng, tăng dần tỷ trọng nhóm sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, mức tăng trưởng của ngành nhựa trong năm 2013 sẽ chỉ ở mức 8%-12% thấp hơn so với trung bình các năm trước và thấp hơn mục tiêu tăng trưởng như trong quy hoạch ngành nhựa. Mặc dù vậy nhu cầu tăng về các sản phẩm trong ngành nhựa từ các nước trong khu vực sẽ là động lực quan trọng giúp doanh nghiệp nhựa trong nước tìm kiếm thị trường xuất khẩu và giảm mức nhập siêu của ngành. Đây thực sự là cơ hội mở rộng thị trường cho ngành nhựa Việt nam nói chung và cho DNP nói riêng để từ đó khẳng định vị thế của mình.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

1. Đặc điểm tình hình

Nền kinh tế thế giới gặp nhiều bất ổn do khủng hoảng tài chính và nợ công châu Âu tiếp tục kéo dài. Sự suy thoái đồng tiền Mỹ và Euro khu vực châu Âu làm gia tăng khủng hoảng tín dụng dẫn đến khủng hoảng hệ thống thương mại toàn cầu. Các nền kinh tế đầu tàu như Mỹ, Trung Quốc, Nhật đều suy giảm tăng trưởng kinh tế làm ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước chúng ta. Từ đó thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng tăng cao làm cho một số doanh nghiệp nhỏ phá sản hàng loạt hoặc phải thu hẹp lại sản xuất.

Chính phủ đã áp dụng các giải pháp chính sách tài chính và tài khóa thắt chặt, thực hiện việc kiểm soát thâm hụt ngân sách dưới 5%, giảm cho vay vào các lĩnh vực phi sản xuất như chứng khoán và bất động sản. Việc áp dụng chính sách này đã ảnh hưởng lớn đến triển khai các dự án cấp thoát nước do không thu xếp được nguồn vốn.

Tuy nhiên tình hình cuối năm 2012 tình hình lạm phát đã được kiểm soát, chính phủ tiếp tục thực hiện một số dự án cấp thoát nước cho các khu vực miền Tây, miền Trung có nguồn vốn từ ODA đã được tiếp tục giải ngân. Do đó tình hình sản xuất kinh doanh cuối năm 2012 gặp rất khả quan.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn tuy nhiên DNP cũng đã thực hiện hoàn thành kế hoạch lợi nhuận như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2011	Tỷ lệ HT (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	320	305,98	356,53	95,62
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		8,90	15,16	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,8	8,24	12,52	121,18
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng		2.323	3.602	
Sản lượng Ống	Tấn	3.200	2.657	3.230	83,03
Sản lượng Túi bao bì	Tấn	4.500	3.383	3.222	75,18

2.2. Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh

2.2.1. Những kết quả đạt được

Nhìn lại một năm với đầy những tác động gây khó khăn cho các doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng, bằng sự chỉ đạo định hướng và thực hiện chiến lược của Hội đồng Quản trị, năng lực quản lý, điều hành sáng tạo của Ban Tổng Giám đốc, phát huy sáng kiến của người lao động. Đặc biệt trong đó có sự bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao đã có kinh nghiệm qua các vị trí các Tập đoàn lớn tham gia vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc đã đưa công ty có những hướng phát triển mở rộng thị trường Bắc, Trung, Nam cũng như liên kết với đối tác quan trọng trong khu vực Đông Nam Á giúp cho sản phẩm của công ty ngày càng cạnh tranh hơn.

Những tiến bộ cụ thể mà công ty đã đạt được trong năm qua đó là:

- Doanh thu đạt 95,6% kế hoạch (306 tỷ / 320 tỷ).
- Lợi nhuận đạt 120,5% kế hoạch (8,2 tỷ / 6,8 tỷ).
- Thu nhập người lao động bình quân tăng 6,7 % so với kế hoạch (4,8/4,5 triệu đồng/người/tháng).
- Sản lượng xuất khẩu túi xí nghiệp bao bì suy giảm là do chính sách bán chống phá giá của châu Âu đối với Trung Quốc được gỡ bỏ làm cho một số khách hàng quan trọng của công ty đã cắt giảm sản lượng chuyển sang Trung Quốc gia công làm ảnh hưởng đến hoàn thành kế hoạch của Kinh doanh Bao bì.
- Sản lượng Ống Nhựa cũng suy giảm nguyên nhân là do chủ yếu là ngân sách giải ngân của nhà nước cho các dự án công trình cấp thoát nước, các dự án xây dựng bị chia thành nhiều giai đoạn dài hơn hoặc hủy dự án. Tuy nhiên công ty cũng đã nhanh chóng thay đổi tiếp cận đa dạng thị trường mục tiêu, phát triển thêm tham gia các dự án cấp, thoát nước, xây dựng tư nhân.

Tuy nhiên gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn vay từ ngân hàng, chính sách giá bán cạnh tranh, công ty cũng đã cải tiến được hệ thống máy móc giúp nâng cao được năng suất, cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao tay nghề của người công nhân. Qua đó khẳng định chất lượng sản phẩm của DNP trên những công trình.

Để đạt được những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như trên, Ban Tổng giám đốc Công ty đã bám sát định hướng của Hội đồng quản trị, kịp thời nắm bắt thông tin thị trường đồng thời tập trung trí tuệ và năng lực tập thể của cán bộ quản lý trong Công ty để hoạch định những giải pháp tức thời góp phần quan trọng cho việc

hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông 2012 đã đề ra. Những nguyên nhân chủ yếu đảm bảo cho kết quả trên là:

- Chủ động được nguồn nguyên liệu kịp thời cho các đơn hàng sản xuất.
- Phòng kinh doanh đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ như thành lập văn phòng phía Bắc – Hà Nội.
- Tiết kiệm tối đa các loại chi phí thông qua các biện pháp về kỹ thuật, công nghệ để giảm giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tạo được sự đồng thuận trong nội bộ công ty trong nỗ lực thực hành tiết kiệm, nâng cao năng suất và chia sẻ khó khăn chung.

2.2.2. Những điểm cần khắc phục trong hoạt động điều hành Sản xuất Kinh doanh năm 2012

- Công tác kinh doanh chưa tạo được đột phá trong tổ chức hoặc phương thức bán hàng vì vậy chưa đẩy được sản lượng tiêu thụ trong khi mức đầu tư cho sản xuất ồng tăng lên nhiều trong ba năm qua.

- Lao động phổ thông biến động liên tục do tâm lý nhảy việc, nghỉ việc về quê, nghỉ việc do hết tuổi lao động dẫn đến ảnh hưởng tới sản lượng và năng suất do đó cần có chính sách thu hút và giữ chân người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

- Nhân viên kinh doanh sản phẩm ống nhựa còn thiếu do đó cần phải bổ sung và đào tạo kịp thời, phải tạo điều kiện tốt nhất về chính sách bán hàng và các điều kiện có thể để ưu tiên phát triển mở rộng kinh doanh.

- Giá sản phẩm cao hơn các sản phẩm cùng loại khác vì công ty phải tính lãi suất cao, khấu hao máy móc lớn dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm giảm.

- Chất lượng sản phẩm thiếu ổn định, phải kiểm soát tốt từ nguyên liệu đầu vào tới sản phẩm đầu ra.

- Nguồn cung cấp nguyên liệu bị hạn chế và còn chủ quan trong khâu nhập nguyên liệu, cần phải chủ động tìm các nguồn cung cấp mới để duy trì sự ổn định xuyên suốt trong sản xuất.

3. Phân tích tình hình tài chính

3.1. Các chỉ số tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu		2012	2011	Chênh lệch	Tăng giảm (%)
I	Cấu trúc tài sản, nguồn vốn					

1	Cấu trúc tài sản					
	Tổng giá trị tài sản	Tr. Đồng	242,199	241,082	1,117	100.46%
	Tài sản ngắn hạn	Tr. Đồng	165,878	154,558	11,320	107.32%
	Tài sản dài hạn	Tr. Đồng	76,321	86,523	(10,202)	88.21%
2	Cấu trúc nguồn vốn				-	
	Nợ phải trả	Tr. Đồng	158,045	157,462	583	100.37%
	Vốn chủ sở hữu	Tr. Đồng	84,154	83,621	533	100.64%
II	Khả năng sinh lời					
	Doanh thu thuần	Tr. Đồng	305,978	356,535	(50,553)	85.82%
	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	8,906	15,165	(6,259)	58.73%
	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	8,243	12,518	(4,275)	65.85%
	Tỷ suất lợi nhuận gộp		15.48%	12.58%		123.04%
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế		2.91%	4.25%		68.43%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế		2.69%	3.51%		76.73%
III	Tính thanh khoản					
	Hệ số thanh toán hiện hành		1.17	1.16		100.90%
	Hệ số thanh toán nhanh		0.66	0.72		91.87%
	Nợ khó đòi		6,535	3,328	3,207	196.35%
	Vòng quay hàng tồn kho		3.94	5.78		68.11%
	Số ngày tồn kho bình quân		93	63	30	146.82%
	Số ngày thu tiền		93	80	13	116.90%
	Số ngày trả tiền		22	24	(3)	
	Kỳ luân chuyển tiền mặt		164	118	46	138.57%
IV	Chỉ tiêu khác					
	Vòng quay tổng tài sản		1.27	1.48		85.56%
	Suất sinh lợi của VCSH		0.10	0.16		63.16%
	Nợ trên tổng tài sản		0.64	0.64		99.77%
	Nợ trên vốn chủ sở hữu		1.84	1.85		99.46%
	Tỷ lệ chi trả cổ tức		10%	16%		62.50%

3.2. Sơ bộ cấu trúc tài chính Công ty:

Kết thúc năm 2012 công ty có Tổng tài sản 242,2 tỷ tăng 1,1 tỷ so với năm 2011. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 11,2 tỷ và tài sản dài hạn giảm 10,1 tỷ. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn năm 2012 bằng 68% tổng tài sản, tăng hơn 4% so với năm 2011. Nguyên

nhân thay đổi chủ yếu cơ cấu này là do công ty tăng trưởng doanh thu ống nhựa vào 2 tháng cuối năm làm cho khoản phải thu từ khách hàng tăng lên 8,5 tỷ, giảm 9,4 tỷ đồng tiền mặt tại ngân hàng để dự trữ nguyên vật liệu để cung ứng đủ và kịp cho sản xuất đầu năm 2013 với các lịch giao hàng dày đặc, do đó hàng tồn kho tăng hơn 12,9 tỷ.

Năm 2012 là năm không biến động nhiều trong cơ cấu nguồn vốn so với năm 2011. Nợ phải trả cả 2 năm có khoảng 158 tỷ chiếm 65% cơ cấu nguồn vốn, còn lại vốn chủ sở hữu chiếm 35%.

3.3. Phân tích chỉ số tài chính

a. Đánh giá hiệu quả kinh doanh

Ban Tổng Giám Đốc nhận thấy tình hình sản xuất kinh doanh năm 2012 sẽ là rất khó khăn. Mặc dù doanh thu chỉ đạt 98% kế hoạch nhưng lợi nhuận sau thuế lại vượt kế hoạch 1,6 tỷ tương đương bằng 120% kế hoạch đề ra. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu năm 2012 bằng 15,5% tăng 2,9% so với năm 2011. Nguyên nhân là do công ty đã quản lý chặt chẽ giá nguyên vật liệu đầu vào và tiết kiệm được tỷ lệ hao hụt Nguyên vật liệu so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận trước thuế năm 2012 chỉ đạt 2,91% /doanh thu và đó cũng là điểm công ty sẽ khắc phục ngay trong năm 2013 bằng việc thắt chặt quản lý chi phí trên cơ sở chính sách tiết kiệm và sử dụng định mức hợp lý.

b. Đánh giá tính thanh khoản và sự tăng trưởng

Tính thanh khoản nhanh năm 2012 của công ty kém hơn năm 2011, nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán. Nguyên nhân tính thanh khoản kém hơn:

- Số ngày tồn kho tăng từ 63 ngày năm 2011 thành 93 ngày năm 2012.
- Khoản phải thu bình quân tăng thêm 13 ngày, tức ngày thu tiền bình quân công ty là 93 ngày (tương đương 3 tháng).
- Trong số đó công ty cũng đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 6,5 tỷ để đảm bảo an toàn cho tài chính
- Số ngày nợ phải trả khách hàng bình quân giảm 3 ngày so với năm 2011.

Tất cả yếu tố trên làm cho chu kỳ kinh doanh năm 2012 tăng thêm 46 ngày so với năm 2011, tức là chu kỳ kinh doanh năm 2012 là 164 ngày.

Trước tình hình trên, Ban giám đốc cũng đã và đang xây dựng chính sách bán hàng hợp lý, thúc đẩy thu hồi nợ và song song đó đàm phán khách hàng thực hiện việc

cung cấp nguyên vật liệu bằng LC trả chậm, nhanh chóng ổn định sản xuất kinh doanh... sẽ giúp cho tăng chu kỳ kinh doanh, hiệu quả nguồn vốn công ty.

IV. Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	TÀI SẢN		Mã số	31/12/2012	01/01/2012
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		100	165,878,252,996	154,557,829,979
	(100 = 110+120+130+140+150)				
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền		110	3,924,102,287	13,204,470,739
	1.	Tiền	111	3,924,102,287	13,204,470,739
	2.	Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	-	-
	1.	Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
	2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		130	85,425,491,648	77,057,186,892
	1.	Phải thu của khách hàng	131	82,205,699,733	73,699,661,409
	2.	Trả trước cho người bán	132	8,325,047,716	5,728,346,971
	3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
	4.	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134	-	-
	5.	Các khoản phải thu khác	135	1,430,733,881	957,955,456
	6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(6,535,989,682)	(3,328,776,944)
IV.	Hàng tồn kho		140	72,128,267,641	59,248,806,518
	1.	Hàng tồn kho	141	73,253,570,193	59,491,961,173
	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(1,125,302,552)	(243,154,655)
V.	Tài sản ngắn hạn khác		150	4,400,391,421	5,047,365,831
	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13,416,724	44,121,712
	2.	Thuê GTGT được khấu trừ	152	-	-
	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	1,126,413,654	1,000,000
	4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157	-	-
	5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	3,260,561,043	5,002,244,119
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		200	76,321,240,463	86,524,030,683
	(200 = 210+220+240+250+260)				
I.	Các khoản phải thu dài hạn		210	-	-
	1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
	2.	Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212	-	-
	3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
	4.	Phải thu dài hạn khác	218	-	-
	5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II.	Tài sản cố định		220	73,274,845,543	80,994,817,937
	1.	Tài sản cố định hữu hình	221	60,001,106,386	70,130,106,208
		- Nguyên giá	222	118,061,535,790	116,893,641,214
		- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(58,060,429,404)	(46,763,535,006)
	2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	8,226,647,223	10,597,195,005
		- Nguyên giá	225	15,381,758,550	14,786,300,517

	- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(7,155,111,327)	(4,189,105,512)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	-	-
	- Nguyên giá	228	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5,047,091,934	267,516,724
III.	Bất động sản đầu tư	240	-	2,441,030,000
	- Nguyên giá	241	-	2,441,030,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260	3,046,394,920	3,088,182,746
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	1,102,097,225	1,261,645,604
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	85,027,421	18,587,060
3.	Tài sản dài hạn khác	268	1,859,270,274	1,807,950,082
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	242,199,493,459	241,081,860,662
	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2012	01/01/2012
A.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	154,684,876,389	154,330,564,920
I.	Nợ ngắn hạn	310	141,728,029,407	132,859,666,532
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	109,178,090,973	99,203,103,878
2.	Phải trả cho người bán	312	15,458,529,831	20,854,081,420
3.	Người mua trả tiền trước	313	5,710,064,342	5,219,728,214
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	7,204,150,461	3,550,775,276
5.	Phải trả người lao động	315	2,098,661,420	862,605,745
6.	Chi phí phải trả	316	2,850,023,546	2,325,571,645
7.	Phải trả nội bộ	317	-	-
8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318	-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1,297,484,003	844,448,151
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(2,068,975,169)	(647,797)
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327	-	-
II.	Nợ dài hạn	330	12,956,846,982	21,470,898,388
1.	Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	89,792,000	89,792,000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	12,867,054,982	21,381,106,388
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	84,154,333,497	83,620,427,062

I.	Vốn chủ sở hữu	410	84,154,333,497	83,620,427,062
	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	34,276,370,000	34,276,370,000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26,720,892,735	26,720,892,735
	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	1,441,908,340	1,239,475,588
	4. Cổ phiếu quỹ	414	(427,842,000)	(427,842,000)
	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
	7. Quỹ đầu tư phát triển	417	9,610,422,199	7,498,861,723
	8. Quỹ dự phòng tài chính	418	2,250,740,284	2,042,221,033
	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	10,281,841,938	12,270,447,983
	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
	1. Nguồn kinh phí	432	-	-
	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ		3,360,283,574	3,130,868,680
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	242,199,493,459	241,081,860,662

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2012	Năm 2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	305,979,407,085	356,991,654,755
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	970,000	459,414,374
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	305,978,437,085	356,532,240,381
4.	Giá vốn hàng bán	11	258,600,298,194	311,663,705,976
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	47,378,138,891	44,868,534,405
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,846,696,732	1,043,971,234
7.	Chi phí tài chính	22	17,465,947,065	17,953,291,587
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	10,757,841,824	14,062,278,276
8.	Chi phí bán hàng	24	8,358,944,825	9,279,243,901
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16,374,164,346	9,750,138,429
10.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30	8,025,779,387	8,929,831,721
11.	Thu nhập khác	31	5,655,676,954	9,629,702,667
12.	Chi phí khác	32	4,775,378,042	3,393,894,176
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	880,298,912	6,235,808,491
14.	Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	8,906,078,299	15,165,640,212
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	729,431,704	2,570,303,477
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(66,440,361)	77,219,127
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	8,243,086,956	12,518,117,608
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	310,781,306	215,952,515

18.2	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62	7,932,305,650	12,302,165,093
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2,323	3,602

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	8,906,078,299	15,165,640,212
2.	Điều chỉnh cho các khoản :			
	- Khấu hao tài sản cố định	02	14,693,352,186	10,469,381,920
	- Các khoản dự phòng	03	4,089,360,635	823,887,649
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	112,189,638	3,201,169,854
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,032,790,241)	(343,716,213)
	- Chi phí lãi vay	06	10,757,841,824	14,062,278,276
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	37,526,032,341	43,378,641,699
	- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(9,117,210,070)	8,010,164,726
	- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(13,953,022,226)	(10,582,818,610)
	- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả	11	(4,800,036,459)	3,267,620,491
	- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	190,253,367	(181,965,274)
	- Tiền lãi vay đã trả	13	(10,757,841,824)	(14,105,079,623)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1,827,805,817)	(59,147,940)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	8,310,209,311	3,477,563,753
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,109,744,500)	(13,443,920,155)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4,460,834,123	19,761,059,067
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6,524,972,701)	(12,514,292,340)
2.	Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	-	10,411,564
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(6,524,972,701)	(12,503,880,776)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	272,995,679,241	270,374,363,920
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(272,221,420,511)	(268,129,057,923)

5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2,223,560,206)	(2,328,877,082)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5,651,709,200)	(5,295,190,500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7,101,010,676)	(5,378,761,585)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30 + 40)	50	(9,165,149,254)	1,878,416,706
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13,204,470,739	11,501,647,966
	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(115,219,198)	(175,593,933)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	3,924,102,287	13,204,470,739

4. Báo cáo kiểm toán

Năm 2012 Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.Hồ Chí Minh được chọn là công ty Kiểm toán của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Theo quan điểm của Ông Nguyễn Quang Tuyên – Kiểm toán viên số Chứng chỉ KTV:0113/KTV do Bộ Tài chính cấp, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

V. Báo cáo các công ty có liên quan

1. Thông tin về công ty liên quan

Công ty con: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung

Thành lập: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3303070169 ngày 27 /12/ 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp và thay đổi lần thứ 2 vào ngày 26/12/2007.

Trụ sở: Lô 06, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc – Huyện Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh.

- Sản xuất kinh doanh ống nhựa và các sản phẩm nhựa PVC và HDPE.
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt các tuyến đường ống thoát nước, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi.
- Sản xuất bao bì nhựa, bạt PP và các sản phẩm nhựa dân dụng, công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ theo vốn góp thực tế là: 83,1%.

2. Tóm tắt báo cáo hoạt động SXKD Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung năm 2012

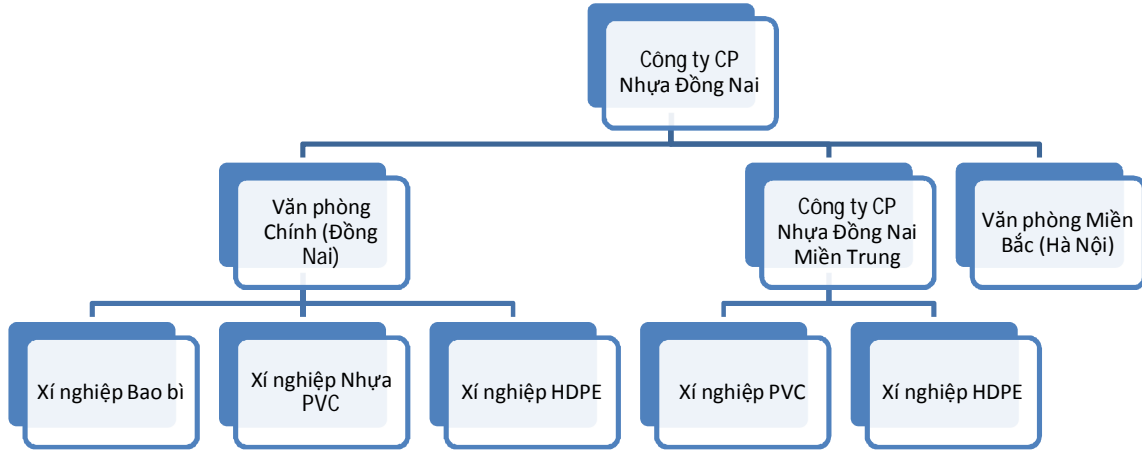
Năm 2012 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung đã hoàn thành nhiệm vụ vượt mức đề ra. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 40,81 tỷ, đạt 153,65% so với năm 2011 là 26,56 tỷ. Đây là kết quả tăng doanh số vượt bậc trong nền kinh tế khó khăn..
- Lợi nhuận trước thuế đạt 1,94 tỷ, đạt 101,04% so với năm 2011 là 1,92 tỷ.
- Lợi nhuận trước sau thuế đạt 1,84 tỷ, đạt 100% so với năm 2011 là 1,84 tỷ.

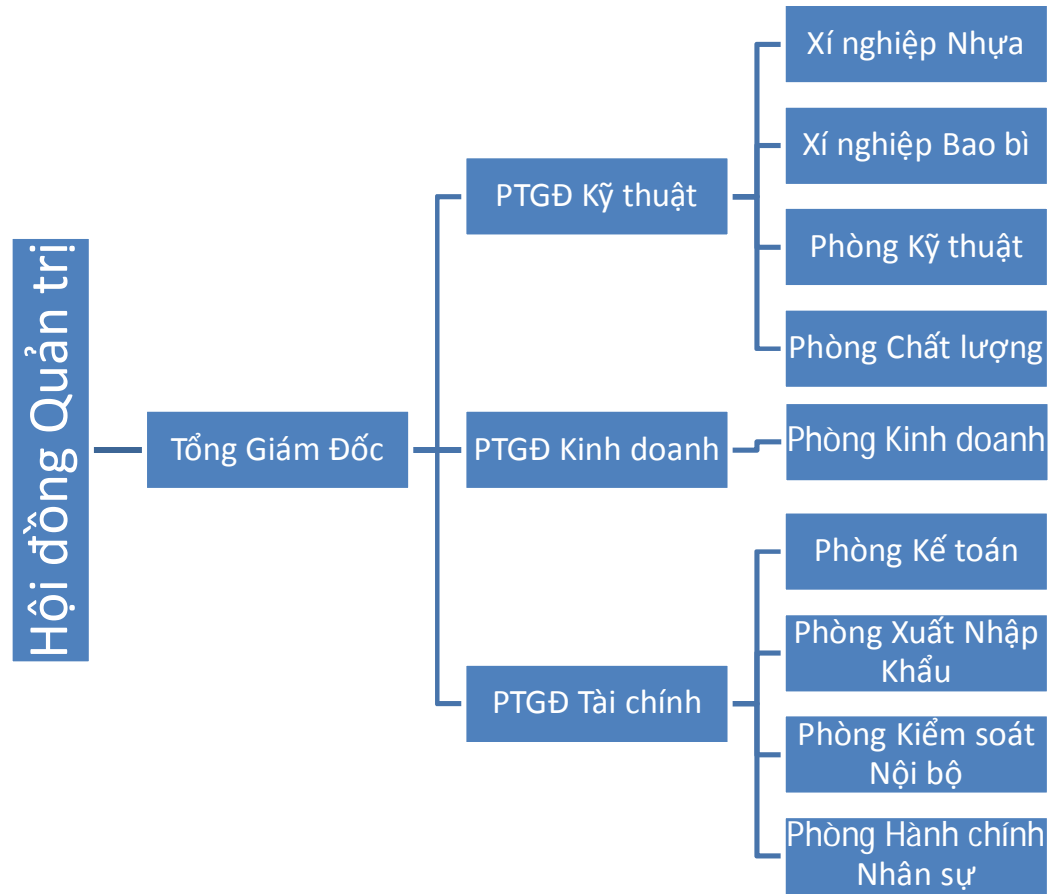
VI. Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ phòng ban

1. Cơ cấu tổ chức

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG



2. Chức năng nhiệm vụ các Phòng ban Xí nghiệp

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là người tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHCĐ đã thông qua. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm hoàn toàn các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám Đốc. Tổng Giám đốc Công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc uỷ quyền một số quyền hạn nhất định cho các thành viên trong Ban Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên qui mô và ngành nghề, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Ban Giám đốc
- Phòng Tài chính - Kế toán
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Hành chính - Nhân sự
- Phòng Kỹ thuật
- Phòng Kiểm soát Nội bộ
- Phòng Chất lượng
- Xí nghiệp Nhựa
- Xí nghiệp Bao bì

Đứng đầu các bộ phận này là các trưởng phòng và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, trong Công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị là Chi bộ, Công đoàn và Đoàn Thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà nước và Điều lệ của các tổ chức này.

3. Thông tin về cơ cấu lao động

- Tổng số lao động : 260 người
- Trình độ đại học trở lên: 21 người chiếm 8,07%
- Trình độ cao đẳng: 14 người chiếm 5,38%
- Trình độ trung cấp công nhân kỹ thuật: 20 người chiếm 7,69%.
- Lao động phổ thông: 205 người chiếm 78,8%.

4. Chính sách cho người lao động

Nguồn nhân lực là tài sản vô giá của doanh nghiệp. Ý thức được điều này Công ty luôn chú trọng đến các chế độ, chính sách chăm lo cho người lao động. Ngoài

những chính sách chế độ theo quy định của Nhà Nước, Công ty còn áp dụng các chính sách riêng có lợi cho người lao động như chính sách lương khi nghỉ thai sản, ốm đau, hiếu hỉ, chính sách nghỉ dưỡng du lịch hàng năm... nhằm khuyến khích người lao động gắn bó và là động lực để họ cống hiến tốt hơn cho Công ty.

Mặc dù trong năm qua tình hình sản xuất kinh doanh của công ty gặp không ít khó khăn nhưng Ban Giám đốc công ty cũng đã có nhiều chính sách khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên công ty gắn bó, làm việc tại công ty. Vào các ngày lễ như 30/4, 2/9, Tết Dương lịch, Tết Âm lịch công ty trích quỹ thưởng cho CBCNV.

Hàng năm Công ty trang bị mới đồng phục và các phương tiện bảo hộ lao động cho các bộ phận phù hợp với công việc, đảm bảo sự an toàn trong sản xuất.

Công ty đã nâng cấp nhà Bếp ăn tập thể đảm bảo cung cấp suất ăn đủ dinh dưỡng và sức khỏe, sử dụng Tủ nhiệt chưa khay cơm và Văn phòng thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của các cơ quan chức năng, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm nào.

Ngoài ra Công ty còn thực hiện một số chính sách khác:

- Tặng quà ngày Tết thiếu nhi, Trung thu cho toàn thể con em cán bộ công nhân viên Công ty.

- Tặng quà ngày 8/3, ngày 20/10 cho các cán bộ công nhân viên nữ.

- Ưu tiên tuyển dụng thân nhân người lao động tại Công ty đạt yêu cầu vị trí chuyên môn công việc.

VII. Thông tin về Cổ đông và Quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012, tổ chức vào ngày 30/06/2012, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai gồm 05 thành viên là cổ đông trong Công ty. Các thông tin chi tiết đã nêu ở mục VII báo cáo này. Tổng số cổ phần sở hữu hiện nay của hội đồng quản trị là chiếm 41,59% tổng số cổ phần của Công ty (tính đến ngày 16/04/2013).

2. Tóm tắt lý lịch thành viên HĐQT

2.1. Ông Nguyễn Lưu Thụy – Chủ tịch HĐQT

a. Thông tin bản thân:

Ngày sinh: 01/6/1959

Nơi sinh: Nghệ An

CMND: 010 410 132 cấp ngày 06/4/2004, tại CA Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ: Trung Hòa - Nhân Chính - Cầu Giấy - Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ ngành Hóa kỹ thuật.

b. Quá trình công tác:

- 1982 - 1986: Cán bộ Viện Vật liệu xây dựng – Bộ Xây dựng.
- 2006 - 2008: Công tác tại Công ty CP Tập đoàn Đầu Tư IPA.
- 2004 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Galax.
- 2008 đến nay: Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân.
- 2012 đến nay: Thành viên HĐQT Vinaconex 3.
- 2012 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Năng lượng xanh – Green Power.
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

c. Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ tại thời điểm 16/4/2013: 842.900 cổ phiếu, chiếm 24,59% vốn điều lệ.

2.2. Ông Vũ Đình Độ - Phó Chủ tịch HĐQT

a. Thông tin bản thân:

Ngày sinh: 20/3/1982

CMND: 013 297 386 cấp ngày 17/4/2010, tại CA Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ : 2B, 310/21 Nghi Tàm - Tây Hồ - Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế

b. Quá trình công tác:

- 2003 - 2006: Kiểm toán viên Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- 2006 - 2007: Kiểm toán viên cấp cao Công ty KPMG Singapore.
- 2007 - 2008 : Giám đốc Dự án Phòng M&A Khối Ngân hàng Đầu tư Công ty Chứng khoán Sài Gòn.
- 2008 - 2011: Giám đốc Khối nghiên cứu Đầu tư Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT.

- 2011 - 2012: Thành viên HĐQT tập đoàn ĐT-TM -DV Thành Công, Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Maritime Bank, Thành viên HĐQT Công ty Thương mại và Đầu tư Trung Dũng.
- 2012 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

c. Số cổ phiếu cá nhân sở hữu tại thời điểm 16/4/2013: 582.700 cổ phiếu, chiếm 17,00% vốn điều lệ.

2.3. Ông Lê Huy Phương – Thành viên HĐQT

a. Thông tin bản thân:

Ngày sinh: 23/3/1966
Số CMND: 011 685 915 cấp ngày 15/10/2003 tại CA Hà Nội.
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ: Nhà 17, Đường 49, Khu Nam Long, P. Phước Long B, Quận 9, TP.HCM.
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Thạc sỹ Đầu tư.

b. Quá trình công tác:

- 1997 - 1998: Giám đốc Bán hàng Công ty EAC Miền Điện.
- 1998 - 1999: Giám đốc Bán hàng Công ty COCACOLA Việt Nam.
- 1999 - 2001: Học sau Đại học - Đại học Công nghệ Sydney Úc.
- 2001 - 2006: Giám đốc Tiếp thị Công ty Liên Doanh La vie.
- 2006 - 2009: Giám đốc Công ty CP Đầu tư IPA.
- 2009 - 2012: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Focom.
- 2012 đến nay: Giám đốc Công ty CP Green - Power.

Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Đồng Nai

c. Số cổ phiếu được nắm giữ tại thời điểm 16/4/2013: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

2.4. Ông Nguyễn Phú Túc – Thành viên HĐQT

a. Thông tin bản thân:

Ngày sinh: 05/10/1947
Nơi sinh: Hoài Hảo, Hoài Nhơn, Bình Định
CMND: 020496475, Ngày cấp 2/8/2001, Nơi cấp: CA.TPHCM
Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ liên hệ: 425 An Dương Vương, P.14, Q.5, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí.

b. Quá trình công tác:

- 1978 – 1983: Phó Quản đốc Phân xưởng cơ điện Diêm Thống Nhất.
- 1983 – 1987: Phó Tổng Giám đốc Xí nghiệp Công nghiệp gỗ diêm Hòa Bình.
- 1987 – 1997: Giám đốc công ty Diêm Đồng Nai.
- 1997 – 2003: Giám đốc công ty Nhựa Đồng Nai.
- 2003 – 2012: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Đồng Nai
- 2012 – nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

c. Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ tại thời điểm 16/4/2013: 36 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

2.5. Ông Nguyễn Xuân Nam – Thành viên HĐQT

a. Thông tin bản thân:

Ngày sinh: 29/09/1976

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 023094852, Ngày cấp 15/1/2009, Nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ: 425 An Dương Vương, P.14 , Q.5, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Tài chính - Tín dụng).

b. Quá trình công tác:

- 1998 - 2000: Cán sự phòng TCKT, Trưởng phòng văn phòng du lịch chi nhánh Chợ Lớn Công ty du lịch VietTravel.
- 2000 - 2002: Nhân viên kinh doanh thông tin di động khu vực 2 MobiFone.
- 2002 - 2005: Chủ cơ sở nhựa Phú Nguyên.
- 2005 - 2008: Phó Giám Đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- 2008 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- 2011 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Xuất Nhập Khẩu Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai,

c. Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 16/4/2013: 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,06% vốn điều lệ

3. Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, trong đó có 1 người trong Ban Kiểm soát công ty có chuyên môn về Tài chính - Kế toán. Cụ thể:

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| 1- Ông Mai Hữu Đạt | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2- Ông Tống Đức Vinh | Thành viên Ban Kiểm Soát |
| 3- Bà Vũ Thị Thục Hiền | Thành viên Ban Kiểm Soát |

4. Cơ cấu Cổ đông

Theo thống kê ngày 16/4/2013. Tổng số cổ phiếu của công ty là: 3.427.637 cổ phiếu. Tổng số cổ đông là: 730 cổ đông.

3.1. Cổ đông trong nước

Cổ đông	Số lượng Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ cổ phần
Tổ chức	31	217.708	6,35%
Cá nhân	665	3.109.206	90,71%

3.2. Cổ đông nước ngoài

Cổ đông	Số lượng Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ cổ phần
Cá nhân	33	94.723	2,76%
Tổ chức	1	6.000	0,18%

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2013

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK Hà Nội
- Lưu HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phó Chủ tịch HĐQT

Vũ Đình Độ